

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 528/2018/DS-ST

Ngày: 24/8/2018

“V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Chung Cảnh Long

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Chính
2. Bà Nguyễn Thị Kim Liên

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Hiếu – Kiểm sát viên.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Võ Công Danh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 24 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 537/2017/TLST-DS ngày 06 tháng 10 năm 2017 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 159/2018/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 7 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 156/2018/QĐST-DS ngày 30/7/2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Hữu L, sinh năm 1985 (có mặt)

Địa chỉ: 5/43A ấp Nam Thới, xã T, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Thanh M, sinh năm 1988 (vắng mặt)

Địa chỉ: 68/5A ấp 1, xã X, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Nguyễn Thị Ngọc L, sinh năm: 1984 (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: 135/3 ấp Tam Đông, xã T, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai tại Tòa án và tại phiên tòa, nguyên đơn Nguyễn Hữu L trình bày:

Tháng 08/2015, ông L cho bà Nguyễn Thị Thanh M vay số tiền 200.000.000 đồng theo Giấy vay mượn tiền giữa ông L và bà M; Giấy mượn tiền không ghi ngày, tháng, năm, không thỏa thuận lãi suất cũng như không ghi thời hạn trả nợ. Trong quá trình cho bà M vay tiền, ông L có lấy tiền lãi 02 lần tổng cộng là 10.000.000 đồng. Đến tháng 7/2017, ông L có yêu cầu bà M trả nợ nhưng bà M vẫn không trả nợ. Do đó, ông L đồng ý trừ số tiền lãi này vào số nợ gốc. Nay, ông L yêu cầu Tòa án buộc cá nhân bà Nguyễn Thị Thanh M trả cho ông L số tiền nợ còn lại là 190.000.000 đồng, không yêu cầu trả lãi, trả làm một lần ngay khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Tại bản tự khai đề ngày 25/10/2017, bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh M trình bày:

Bà M thừa nhận có vay của ông Nguyễn Hữu L số tiền 200.000.000 đồng để làm ăn. Tuy nhiên, do bà M làm ăn thất bại nên chưa thể trả lại cho ông L. Nay ông L yêu cầu bà M trả số nợ còn thiếu là 200.000.000 đồng thì bà M đồng ý. Tuy nhiên, bà M cần gặp trực tiếp với ông L để thỏa thuận.

Tại bản tự khai đề ngày 28/02/2018, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Ngọc L trình bày:

Bà L là vợ ông Nguyễn Hữu L. Việc ông L cho bà M vay số tiền 200.000.000 đồng thì bà không có ý kiến. Bà L xác nhận số tiền 200.000.000 đồng mà ông L cho bà M vay là số tiền riêng của ông L, không liên quan đến bà L.

Cùng ngày 28/02/2018, bà Nguyễn Thị Ngọc L có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật: Giao dịch dân sự giữa ông L và bà M đang thực hiện thì phát sinh tranh chấp, có nội dung và hình thức phù hợp với quy định của Bộ luật dân sự năm 2015 nên căn cứ vào Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015, Tòa án áp dụng quy định của Bộ luật này để giải quyết vụ án.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Xét đơn khởi kiện của ông Nguyễn Hữu L, Hội đồng xét xử nhận thấy đây là vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự và bị đơn cư trú tại huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H theo điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về tố tụng : Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện H đã tiến hành thủ tục tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ đối với bà M nhưng ông bà M vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Ngọc L có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà L theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Xét yêu cầu của đương sự:

Xét yêu cầu của nguyên đơn ông Nguyễn Hữu L: Căn cứ vào Giấy mượn tiền thể hiện bà Nguyễn Thị Thanh M vay của ông Nguyễn Hữu L số tiền 200.000.000 đồng; Giấy mượn tiền không ghi ngày, tháng, năm, không thỏa thuận lãi suất cũng như không ghi thời hạn trả nợ. Trong quá trình cho bà M vay tiền, ông L có lấy tiền lãi 02 lần tổng cộng là 10.000.000 đồng. Đến tháng 7/2017, ông L có yêu cầu bà Mai trả nợ nhưng bà M vẫn không trả nợ. Ông L đồng ý sẽ trừ số tiền lãi này vào số nợ gốc. Các tình tiết trên, Tòa án đã được Tòa án thông báo đến cho bà M nhưng bà M vẫn không có ý kiến phản hồi nên Tòa án căn cứ vào Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định các tình tiết trên là sự thật. Nay, ông L chỉ yêu cầu bà M trả số tiền gốc là 190.000.000 đồng và không yêu cầu trả lãi, trả làm một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật nên Hội đồng xét xử xét yêu cầu khởi kiện của ông L đòi bà Mai trả lại số tiền mà bà M đang chiếm hữu là đúng theo quy định tại Điều 166 Bộ luật dân sự năm 2015 là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Xét yêu cầu của bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh M tại bản tự khai ngày 25/10/2017: Bà M thừa nhận có vay của ông L số tiền 200.000.000 đồng với mục đích làm ăn. Do, bà M làm ăn thất bại nên chưa trả được cho ông L. Nay, ông L yêu cầu bà M trả số tiền trên thì bà M đồng ý nhưng bà M đề nghị gặp trực tiếp ông L để thương lượng. Tuy nhiên, bà M vắng mặt nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Xét yêu cầu của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Ngọc L: Bà L xác nhận số tiền 200.000.000 đồng mà ông L cho bà M vay là số tiền riêng của ông L, không liên quan đến bà L nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà M phải chịu án phí là $190.000.000 \text{ đồng} \times 5\% = 9.500.000 \text{ đồng}$ (chín triệu năm trăm ngàn đồng);
- Ông L không phải chịu án phí, hoàn tiền tạm ứng án phí cho ông Nguyễn Hữu L.

Bởi các lẽ nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng:

- Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; b khoản 2 Điều 227; Khoản 1 khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Điều 463; Điều 466; Điều 468; Điều 469; Điều 688 Bộ Luật dân sự năm 2015;
- Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội và Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn

Buộc bà Nguyễn Thị Thanh M trả cho ông Nguyễn Hữu L số tiền là 190.000.000 đồng (một trăm chín mươi triệu đồng); việc trả nợ thực hiện một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật tại Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của ông Nguyễn Hữu L cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bà Nguyễn Thị Thanh M còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Nguyễn Thị Thanh M phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 9.500.000 đồng (chín triệu năm trăm ngàn đồng).
- Hoàn tiền tạm ứng án phí 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) cho ông Nguyễn Hữu L theo biên lai thu tiền số AA/2016/0032676 ngày 06/10/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ tuyên án. Trường hợp vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày tổng đạt được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND TPHCM
- VKSND H. H;
- Chi cục THADS H. H;
- Đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Chung Cảnh Long